

Bản án: 13 /2019/HNGĐ - ST

Ngày 17 - 10 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Thanh Tâm;

2- Ông Nguyễn Văn Khôi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST- DS, ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Chu Thị V, sinh năm 1982; Có mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Vi Văn H, sinh năm 1979; Vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Vi Văn H vào ngày 10 tháng 9 năm 2003, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Sơn Động. Cưới xong chị và anh H chung sống với nhau tại thôn N, xã Q, huyện S, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 02 năm 2014, do cách sống của vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vi Thị Quỳnh L, sinh ngày 28/5/2004 và Vi Gia B, sinh ngày 14/8/2008, hiện nay các cháu đang ở cùng anh H. Anh H đi làm ăn không có mặt tại địa phương, nay chị không biết địa chỉ ở đâu, nên chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; hai cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị hiện nay có chỗ ở ổn định, nghề nghiệp làm ruộng và công nhân có mức thu nhập 5.000.000đ/tháng, chị đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các cháu trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vi Văn H vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đã được Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập giao cho mẹ để anh H và niêm yết tại địa phương để anh H biết đến làm việc theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy gia đình anh H đã thông báo bằng điện thoại cho anh H biết về việc Tòa án đã giao Thông báo thụ lý, triệu tập làm việc nhiều lần cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh H không chấp hành đến làm việc và có tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh H.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị Chu Thị V vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, còn bị đơn không chấp hành là vi phạm pháp luật. Do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị V và anh Vi Văn H được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Chu Thị V nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Vi Thị Quỳnh L, sinh ngày 28/5/2004 và Vi Gia B, sinh ngày 14/8/2008; Về cấp dưỡng nuôi con chị V không có yêu cầu.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm (hộ nghèo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Vi Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Chu Thị V cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Chu Thị V kết hôn cùng anh Vi Văn H vào ngày 10 tháng 9 năm 2003, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S số đăng ký kết hôn 06 ngày 10/9/2003; cưới xong chị V và anh H về chung sống tại thôn N, xã Q, huyện S, tỉnh Bắc Giang, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh H là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2014, do cách sống của vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng cũng ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hiện nay anh H không có mặt tại địa phương, gia đình chị V và gia đình anh H hiện đều không biết anh H đang sống làm gì ở đâu, anh H kiên quyết không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án.

Xét thấy lời khai của chị V, lời khai của gia đình anh H cung cấp và xác minh tại UBND xã Q, huyện S thì thấy: Anh H đã không có mặt tại gia đình anh cũng như gia đình chị V, từ khi ly thân anh H đi làm ăn và không trở về chung sống với chị V nữa, anh H không quan tâm giúp đỡ đến vợ và không quan tâm, chăm sóc con; anh H đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị V; cho chị V và anh H được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Do anh H không có mặt tại nơi cư trú, hiện nay cháu Vi Thị Quỳnh L và Vi Gia B đang ở với gia đình anh H, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị V, hiện anh H đi làm ăn không có mặt tại nơi cư trú, chị V có nguyện

vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc cho con; do vậy, nên tiếp tục giao cho chị Chu Thị V trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là Vi Thị Quỳnh L, sinh ngày 28/5/2004 và Vi Gia B, sinh ngày 14/8/2008. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị V thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị V và anh Vi Văn H được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Chu Thị V nuôi dưỡng cháu Vi Thị Quỳnh L, sinh ngày 28/5/2004 và cháu Vi Gia B, sinh ngày 14/8/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chị V không yêu cầu.

Anh H có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh H.

[3] Về án phí: Chị Chu Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Quế Sơn;
- Lưu HS, VP .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn